

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91–97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH

R REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 – 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	08 – 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (tên giao dịch là: Ben Thanh Services Joint Stock Company) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3127/QĐ-UB ngày 16 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007 và đã đăng ký thay đổi lần 10 ngày 20 tháng 04 năm 2012.

Công ty đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05 tháng 01 năm 2011 theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Thông báo số 1137/TB-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : BSC

Vốn điều lệ : 31.507.470.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3920 8804

Fax : +84 (8) – 3920 8794

Mã số thuế : 0 3 0 5 2 4 6 9 7 8

2.2 Các đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tại Bình Dương.

Địa chỉ: Ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, Bình Dương;

- Trung tâm Dịch vụ Kho Vận.

Địa chỉ: 504 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh;

- Trung tâm Dịch vụ Bến Thành.

Địa chỉ: 50/12 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

- Trung tâm kinh doanh Nhà hàng và Khách sạn Đakao.

Địa chỉ: 26 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

- Nhà hàng Bến Thành.

Địa chỉ: 21-23-25-27 Tôn Thất Hiệp, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. Ngành nghề hoạt động

- Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thụ công nghiệp, máy móc thiết bị phụ tùng vật tư ngành công nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công).
- Xây dựng công trình dân dụng vào công nghiệp;
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ photocopy;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Điều hành tour du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.

15/01/2015

4. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch
Ông Lê Hải Đăng	Thành viên
Ông Lê Anh Văn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Miên	Thành viên
Ông Nguyễn Thi Giang	Thành viên

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Nguyễn Việt Hoà	Trưởng ban
Bà Tôn Thị Nga	Thành viên

4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Hải Đăng	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Thống	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thi Giang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thúy Hạnh	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 40.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

7. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Ban Điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Ban Điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

8. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015.

TM. Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
Chủ tịch



Số: 2033/15/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập ngày 11 tháng 02 năm 2015 (từ trang 08 đến trang 40) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

15
TY
HUU
.TU
VIET
SC

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'TH'.

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1/KTV

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

HẠN
VÃ
T
H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.887.146.666	15.430.185.869
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	23.203.000.245	11.102.153.056
111	1. Tiền		5.203.000.245	11.102.153.056
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.541.938.079	3.029.597.037
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	3.067.307.472	1.457.665.326
132	2. Trả trước cho người bán		41.250.000	51.568.000
135	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.3	1.489.974.036	2.210.673.737
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	5.4	(1.056.593.429)	(690.310.026)
140	IV. Hàng tồn kho	5.5	182.729.396	152.617.748
141	1. Hàng tồn kho		182.729.396	152.617.748
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		959.478.946	1.145.818.028
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.6	321.000.000	142.662.426
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	55.650.604
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.7	638.478.946	947.504.998
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		23.756.695.448	27.310.957.781
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		15.750.057.755	16.536.510.020
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	1.218.616.122	2.005.068.387
222	- Nguyên giá		6.140.113.067	7.718.713.350
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.921.496.945)	(5.713.644.963)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.9	-	-
228	- Nguyên giá		97.200.000	97.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.200.000)	(97.200.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.10	14.531.441.633	14.531.441.633
240	III. Bất động sản đầu tư	5.11	2.133.630.608	2.235.334.376
241	- Nguyên giá		3.799.189.568	3.799.189.568
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.665.558.960)	(1.563.855.192)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.12	4.955.043.772	7.004.138.055
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.675.138.055	4.025.138.055
258	2. Đầu tư dài hạn khác		2.527.651.449	3.099.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)		(247.745.732)	(120.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		917.963.313	1.534.975.330
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.13	299.204.037	866.038.317
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.14	334.884.276	385.062.013
268	3. Tài sản dài hạn khác	5.15	283.875.000	283.875.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		51.643.842.114	42.741.143.650

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BÊN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		11.459.938.269	8.197.670.430
310	I. Nợ ngắn hạn		8.168.520.269	5.094.092.430
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán	5.16	556.045.160	1.332.126.380
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.17	2.913.153.287	50.657.974
315	5. Phải trả người lao động		1.343.728.061	1.400.036.324
316	6. Chi phí phải trả	5.18	1.534.480.788	1.548.197.597
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.19	1.757.353.852	680.724.534
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		63.759.121	82.349.621
330	II. Nợ dài hạn		3.291.418.000	3.103.578.000
333	1. Phải trả dài hạn khác	5.20	3.291.418.000	3.103.578.000
338	2. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.183.903.845	34.543.473.220
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.21	40.183.903.845	34.543.473.220
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		31.507.470.000	31.507.470.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		705.702.705	619.492.438
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		778.515.715	692.305.448
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.192.215.425	1.724.205.334
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		51.643.842.114	42.741.143.650

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
3. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồng Giám Đốc





NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÕ THÚY HẠNH

LÊ HẢI ĐĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.901.209.751	26.894.998.550
03	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	27.901.209.751	26.894.998.550
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	14.501.601.246	14.531.318.140
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.399.608.505	12.363.680.410
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	4.344.156.474	811.428.446
22	7. Chi phí tài chính	6.4	2.409.425.732	228.547.267
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	649.920
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	4.058.674.339	3.742.501.560
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	9.562.759.400	9.057.165.001
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.712.905.508	146.895.028
31	11. Thu nhập khác	6.7	8.508.190.728	4.513.373.119
32	12. Chi phí khác	6.8	396.374.353	2.370.415.959
40	13. Lợi nhuận khác		8.111.816.375	2.142.957.160
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.824.721.883	2.289.852.188
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.9	2.582.328.721	707.958.761
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.10	50.177.737	(142.311.907)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.192.215.425	1.724.205.334
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	6.11	2.283	547

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Kế toán trưởng

VÕ THÚY HẠNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015.

Tổng Giám Đốc



LÊ HẢI ĐĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.824.721.883	2.289.852.188
	2. Điều chỉnh các khoản		(7.814.589.265)	(174.588.254)
02	- Khấu hao tài sản cố định		702.101.061	850.807.461
03	- Các khoản dự phòng		494.029.135	(357.958.153)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.010.719.461)	(668.087.482)
06	- Chi phí lãi vay		-	649.920
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.010.132.618	2.115.263.934
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.256.229.948	109.051.235
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.111.648)	47.725.748
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		1.355.496.128	1.097.259.321
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		388.496.706	(11.303.243)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(649.920)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(710.929.846)	(1.477.797.266)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(310.076.500)	(433.349.534)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.959.237.406	1.446.200.275
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(1.170.911.364)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.788.181.818	260.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	(3.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	8.250.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(175.138.055)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.921.348.551	1.200.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		688.592.615	409.198.612
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.398.122.984	4.973.149.193
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	(36.173.651)
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.256.513.200)	(2.536.524.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.256.513.200)	(2.572.698.301)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		12.100.847.189	3.846.651.167
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.102.153.056	7.255.501.889
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	23.203.000.245	11.102.153.056

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Kế toán trưởng



VÕ THÚY HẠNH



Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thụ công nghiệp, máy móc thiết bị phụ tùng vật tư ngành công nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công).
- Xây dựng công trình dân dụng vào công nghiệp;
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ photocopy;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Điều hành tour du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 21.246 VND/USD.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung 15/2006/QĐ-BTC và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài Chính.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối năm kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại, phải thu khác

- Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
- Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
 - + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.4 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

▪ **Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT/BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài.

▪ **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
+ Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Phần mềm kế toán	05 năm

4.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá.
- Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.
- Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
------------------------	-------------

4.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.
- Chi phí trả trước: căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

4.11 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.12 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.15 Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

4.16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính thì các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

4.17 Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 22% thu nhập chịu thuế (năm trước thuế suất 25%).
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	87.648.425	140.482.856
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	5.115.351.820	1.661.670.200
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000	9.300.000.000
	Tổng cộng	23.203.000.245	11.102.153.056

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số dư ngân hàng gồm:

STT	Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM	4.267.864.415	706.872.072
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP HCM	847.487.405	954.798.128
	Cộng	5.115.351.820	1.661.670.200

5.1.3 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

5.2 Phải thu của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Vạn Thịnh Phát	1.720.000.000	-
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	441.897.500	468.482.300
- Các đối tượng khác	905.409.972	989.183.026
Cộng	3.067.307.472	1.457.665.326

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH
Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án TT TM và Căn hộ cao cấp 504 Nguyễn Tất Thành	732.566.805	732.566.805
- Công ty TNHH Việt An Phát	390.000.000	825.000.000
- Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp	257.607.750	257.607.750
- Các đối tượng khác	109.799.481	395.499.182
Cộng	1.489.974.036	2.210.673.737

5.4 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án TT TM và Căn hộ cao cấp 504 Nguyễn Tất Thành	732.566.805	366.283.402
- Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp	257.607.750	257.607.750
- Nguyễn Hoàng Diệu	66.418.874	66.418.874
Cộng	1.056.593.429	690.310.026

5.5 Hàng tồn kho

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.5.1	Nguyên liệu, vật liệu	-	-
5.5.2	Công cụ, dụng cụ	-	-
5.5.3	Hàng hóa	182.729.396	152.617.748
5.5.4	Hàng gửi đi bán	-	-
5.5.5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		182.729.396	152.617.748

5.5.3 Hàng hóa

Chủ yếu là rượu, bia, nước giải khát tồn kho.

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	142.662.426	79.737.545
Phát sinh tăng trong năm	895.659.620	446.534.126
Phân bổ trong năm	(717.322.046)	(383.609.245)
Số dư cuối năm	321.000.000	142.662.426

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

120
ĐƠN
NHIE
JAIN
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.7.1	Tạm ứng	488.478.946	783.504.998
5.7.2	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	164.000.000
	Tổng cộng	638.478.946	947.504.998

5.7.1 Tạm ứng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trần Anh Phú	360.760.000	378.854.000
- Nguyễn Trần Uyên Thư	86.305.998	251.559.000
- Các đối tượng khác	41.412.948	153.091.998
Cộng	488.478.946	783.504.998

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	2.098.253.088	268.414.000	4.740.467.789	611.578.473	7.718.713.350
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	772.807.088	-	805.793.195	-	1.578.600.283
- Giảm do thanh lý	772.807.088	-	805.793.195	-	1.578.600.283
4. Số dư cuối năm	1.325.446.000	268.414.000	3.934.674.594	611.578.473	6.140.113.067
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	1.860.617.877	147.428.288	3.354.385.724	351.213.074	5.713.644.963
2. Tăng trong năm	145.572.174	38.344.860	326.700.003	89.780.256	600.397.293
- Khấu hao trong năm	145.572.174	38.344.860	326.700.003	89.780.256	600.397.293
3. Giảm trong năm	754.625.708	-	637.919.603	-	1.392.545.311
- Giảm do thanh lý	754.625.708	-	637.919.603	-	1.392.545.311
4. Số dư cuối năm	1.251.564.343	185.773.148	3.043.166.124	440.993.330	4.921.496.945
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	237.635.211	120.985.712	1.386.082.065	260.365.399	2.005.068.387

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

117
3 T
M H
VÀ
V V
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. Tại ngày cuối năm	73.881.657	82.640.852	891.508.470	170.585.143	1.218.616.122
----------------------	------------	------------	-------------	-------------	---------------

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.532.002.010 đồng.

5.9 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	97.200.000	97.200.000
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	97.200.000	97.200.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.200.000 đồng.

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí phát sinh cho xây dựng công trình cao ốc 136-137 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh ^(*)

^(*) Công trình này đã phát sinh từ lâu tính đến thời điểm này vẫn chưa có kế hoạch thực hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.11 Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư như sau:

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	3.799.189.568	3.799.189.568
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	3.799.189.568	3.799.189.568
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	1.563.855.192	1.563.855.192
2. Tăng trong năm	101.703.768	101.703.768
- Khấu hao trong năm	101.703.768	101.703.768
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	1.665.558.960	1.665.558.960
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	2.235.334.376	2.235.334.376
2. Tại ngày cuối năm	2.133.630.608	2.133.630.608

Trong đó: nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 759.789.626 đồng.

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.12.1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	2.675.138.055	4.025.138.055
5.12.2	Đầu tư dài hạn khác	2.527.651.449	3.099.000.000
5.12.3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(247.745.732)	(120.000.000)
Tổng cộng		4.955.043.772	7.004.138.055

5.12.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần ĐT - PT Dự án Bến Thành Việt ⁽¹⁾	2.100.000.000	2.100.000.000
- Công ty TNHH Bến Thành Nam Á	-	1.350.000.000
- Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành ⁽²⁾	575.138.055	575.138.055
Cộng	2.675.138.055	4.025.138.055

⁽¹⁾ Khoản đầu tư hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/BTSC-VCR giữa ba bên là Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành, Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hồng Phúc, tỷ lệ góp vốn 35,00% vốn điều lệ, tỷ lệ vốn thực góp 21,00% (tương đương 2.100.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt hoạt động theo giấy chứng

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

nhận đăng ký kinh doanh số 0310568699 vào ngày 10 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 50,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 38,34% (tương đương 575.138.055 đồng). Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng.

5.12.2 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu theo giấy phép	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Giá trị
- Công ty Cổ phần Thương mại Cần Thơ	10,00%	70.000	1.599.000.000
- Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải	6,00%	150.000	928.651.449
Cộng			2.527.651.449

5.12.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

Chi tiết như sau:

Tên công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Cần Thơ	100.233.000	-
- Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải	147.512.732	120.000.000
Cộng	247.745.732	120.000.000

5.13 Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ.

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	866.038.317	917.659.955
Phát sinh tăng trong năm	736.663.322	741.556.793
Phân bổ trong năm	(1.303.497.602)	(793.178.431)
Số dư cuối năm	299.204.037	866.038.317

5.14 Tài sản thuế hoãn lại

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	Số tiền	Thuế suất thuế TNDN	Tài sản thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuê đất và chi phí khác trích trước	1.522.201.256	22%	334.884.276
Cộng			334.884.276

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

5.15 Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc dài hạn cho DNTN Thương mại Nam Phương để thuê mặt bằng tại 41 - 43 Nguyễn Khoái, quận 4, Tp.HCM.

5.16 Phải trả người bán

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	523.029.662	1.332.126.380
- Các đối tượng khác	33.015.498	-
Cộng	556.045.160	1.332.126.380

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.910.749.663	39.350.788
- Thuế thu nhập cá nhân	5.441.650	11.307.186
- Thuế GTGT phải nộp	996.961.974	-
Cộng	2.913.153.287	50.657.974

5.18 Chi phí phải trả

Chủ yếu là các khoản trích trước tiền thuê đất và thuê đất.

5.19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lê Anh Văn	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH Việt An Phát	623.541.728	48.799.068
- Các đối tượng khác	133.812.124	631.925.466
Cộng	1.757.353.852	680.724.534

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.20 Phải trả dài hạn khác

Là các khoản tiền ký quỹ của khách hàng.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tiến Công	1.124.000.000	1.124.000.000
- Công ty TNHH Nhà hàng Lá Cuốn	316.000.000	315.540.000
- Công Ty TNHH Dây Cáp Điện Đệ Nhất	300.000.000	300.000.000
- Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất	300.000.000	300.000.000
- Các đối tượng khác	1.251.418.000	1.064.038.000
Cộng	3.291.418.000	3.103.578.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH
 Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Thuyết minh Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.21 Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (**)	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	31.507.470.000	420.380.003	493.193.013	3.318.540.598	35.739.583.614
- Tăng trong năm trước	-	199.112.435	199.112.435	1.724.205.334	2.122.430.204
- Giảm trong năm trước	-	-	-	3.318.540.598	3.318.540.598
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	31.507.470.000	619.492.438	692.305.448	1.724.205.334	34.543.473.220
- Tăng trong kỳ	-	86.210.267	86.210.267	7.192.215.425	7.364.635.959
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này	-	86.210.267	86.210.267	7.192.215.425	7.364.635.959
- Giảm trong kỳ	-	-	-	1.724.205.334	1.724.205.334
Số dư cuối kỳ	31.507.470.000	705.702.705	778.515.715	7.192.215.425	40.183.903.845

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(*) Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ đông Nhà Nước	47,11	14.844.200.000	14.844.200.000
- Cổ đông khác	52,89	16.663.270.000	16.663.270.000
Cộng	100,00	31.507.470.000	31.507.470.000
▪ Cổ phiếu		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		3.150.747	3.150.747
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		3.150.747	3.150.747
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		3.150.747	3.150.747
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		3.150.747	3.150.747
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		3.150.747	3.150.747
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)		10.000	10.000
(**) Chi tiết lợi nhuận chưa phân phối gồm			Số đầu năm
Số dư đầu năm			1.724.205.334
Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm			7.192.215.425
Giảm trong năm			1.724.205.334
<i>Chi tiết gồm:</i>			
+ <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2013</i>			86.210.267
+ <i>Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2013</i>			86.210.267
+ <i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2013</i>			291.486.000
+ <i>Trích cổ tức phải trả từ lợi nhuận năm 2013</i>			1.260.298.800
Số dư tại ngày 31/12/2014			7.192.215.425

31/12/2014
CỔ ĐÔNG
NHÀ NƯỚC
TỔNG
HỢP
/ 76

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	548.867.212	342.868.970
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.144.524.360	25.565.947.765
- Doanh thu cho thuê bất động sản	2.207.818.179	986.181.815
Cộng	27.901.209.751	26.894.998.550

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	416.475.188	221.728.837
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.983.422.290	14.207.885.535
- Giá vốn cho thuê bất động sản	101.703.768	101.703.768
Cộng	14.501.601.246	14.531.318.140

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh nhà hàng Bến Thành với Công ty TNHH Việt An Phát	3.468.912.784	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng	717.225.948	445.077.888
- Lãi cho vay	23.017.742	309.041.286
- Thu từ chuyển nhượng vốn góp	135.000.000	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	54.503.788
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	2.805.484
Cộng	4.344.156.474	811.428.446

6.4 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhà hàng Bến Thành với Tổng Công ty Bến Thành	2.280.000.000	-
- Dự phòng đầu tư tài chính	127.745.732	217.041.847
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.680.000	1.680.000
- Lãi cho vay	-	309.041.286
- Chi phí tài chính khác	-	2.805.484
Cộng	2.409.425.732	811.428.446

6.5 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.189.121.540	2.124.775.273
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	9.844.545	63.209.335
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.646.024	65.617.580
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	844.974.123	858.680.608
- Các chi phí bằng tiền khác	862.088.107	630.218.764
Cộng	4.058.674.339	3.742.501.560

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	4.895.322.610	4.935.290.904
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	176.325.069	87.045.717
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	262.458.999	250.897.943
- Thuế, phí và lệ phí	830.092.534	1.303.868.911
- Chi phí dự phòng	366.283.403	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.692.567.583	1.205.013.347
- Các chi phí bằng tiền khác	1.339.709.202	1.275.048.179
Cộng	9.562.759.400	9.057.165.001

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.7 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chuyển nhượng công trình xây dựng	7.818.181.818	-
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	690.000.000	360.000.000
- Thu khác	8.910	4.153.373.119
Cộng	8.508.190.728	4.513.373.119

6.8 Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Các khoản truy thu thuế và phạt vi phạm	209.157.199	415.357
- Giá trị còn lại của tài sản cố định	186.054.972	-
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	700.000	-
- Chi phí khác	462.182	2.370.000.602
Cộng	396.374.353	2.370.415.959

C
H
A
V
I
T
H

6.9 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	[1]	9.824.721.883
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
- Các khoản điều chỉnh tăng:	[2]	2.134.341.858
+ Chi phí phạt và truy thu thuế		209.157.199
+ Chi phí trích lập dự phòng không đủ điều kiện		366.283.403
+ Chi phí trích trước		1.522.201.256
+ Chi thù lao HĐQT và BKS		36.000.000
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính		700.000
- Các khoản điều chỉnh giảm:	[3]	1.540.248.051
+ Hoàn nhập chi phí trích trước của năm trước		1.540.248.051
Tổng thu nhập chịu thuế	[4] = [1] + [2] - [3]	10.418.815.690
Trong đó:		
+ Thu nhập chịu thuế năm nay	[5]	11.959.063.741
+ Thu nhập chịu thuế năm trước được khấu trừ	[6]	(1.540.248.051)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	[7] = [5] * 22%	2.630.994.023
Thuế TNDN hoàn nhập năm trước	[8] = [6] * 25%	(385.062.013)
Thuế TNDN truy thu các năm trước	[9]	336.396.711
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[10] = [7] + [8] + [9]	2.582.328.721

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	385.062.013	242.750.106
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(334.884.276)	(385.062.013)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	50.177.737	(142.311.907)



6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.192.215.425	1.724.205.334
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.192.215.425	1.724.205.334
- Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.150.747	3.150.747
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	2.283	547

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	434.915.574	551.116.679
- Chi phí nhân công	9.879.960.323	9.783.525.334
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.397.293	850.807.461
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.427.538.334	8.163.473.644
- Các chi phí bằng tiền khác	2.388.653.455	2.038.350.835
Cộng	21.731.464.979	21.387.273.953

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

7.1 Tiền lương và tiền thưởng của Ban Điều hành và các thành viên chủ chốt (*) của Công ty

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương	1.202.279.855	1.229.476.978
- Tiền thưởng	90.000.000	347.567.000
Cộng	1.292.279.855	1.577.043.978

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát.

7.2 Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV	Cổ đông lớn	47,11%
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	Công ty liên kết	50,00%
Công ty Cổ phần Bến Thành Nam Á	Công ty liên kết	30,00%

7.2.1 Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ

7.2.1.1 Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV (Cổ đông lớn)

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh	2.280.000.000	2.370.000.000
- Trả tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh	2.508.000.000	2.460.000.000
- Doanh thu bán xe Toyota	690.000.000	-
- Doanh thu cho thuê mặt bằng kho	1.203.521.857	1.043.366.415
- Thu tiền cho thuê mặt bằng trong năm	759.000.000	1.236.948.028

7.2.1.2 Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành (Công ty liên kết)

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bảo trì thiết bị máy tính	28.182.482	29.543.113
- Thu tiền bảo trì thiết bị máy tính	37.071.919	26.889.929
- Cho vay trong kỳ	200.000.000	300.000.000
- Thu hồi nợ vay	500.000.000	-
- Tiền lãi vay trong kỳ	23.017.742	6.880.645
- Thu tiền lãi vay trong kỳ	23.250.000	4.180.645

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH
 Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

7.2.1.3 Công ty Cổ phần Bến Thành Nam Á (Công ty liên kết)

	Năm nay	Năm trước
- Cho vay trong kỳ	-	-
- Thu hồi nợ vay	-	240.000.000
- Tiền lãi vay trong kỳ	-	4.344.000
- Thu tiền lãi vay trong kỳ	-	6.204.000

7.2.2 Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

7.2.2.1 Phải thu khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV	115.556.069	80.723.236
- Công ty Cổ phần Giao Nhận Bến Thành	1.899.995	8.091.989

7.2.2.2 Phải thu tiền vay

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Giao Nhận Bến Thành	-	300.000.000

7.2.2.3 Phải thu khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV	-	5.522.965
- Công ty Cổ phần Giao Nhận Bến Thành	2.467.742	2.700.000

7.2.2.4 Phải trả khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV	570.000.000	570.000.000

103
 C
 H
 T
 H
 5-1

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.203.000.245	11.102.153.056	23.203.000.245	11.102.153.056
Phải thu khách hàng	3.067.307.472	1.457.665.326	3.067.307.472	1.457.665.326
Các khoản phải thu khác	433.380.607	1.520.363.711	433.380.607	1.520.363.711
Cộng	26.703.688.324	14.080.182.093	26.703.688.324	14.080.182.093
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ				
Phải trả cho người bán	556.045.160	1.332.126.380	556.045.160	1.332.126.380
Phải trả người lao động	1.343.728.061	1.400.036.324	1.343.728.061	1.400.036.324
Chi phí phải trả	1.534.480.788	1.548.197.597	1.534.480.788	1.548.197.597
Các khoản phải trả khác	5.048.771.852	3.784.302.534	5.048.771.852	3.784.302.534
Cộng	8.483.025.861	8.064.662.835	8.483.025.861	8.064.662.835

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

8.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ hàng tháng nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

8.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

87.
G
M
V
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	556.045.160	-	556.045.160
Phải trả người lao động	1.343.728.061	-	1.343.728.061
Chi phí phải trả	1.534.480.788	-	1.534.480.788
Các khoản phải trả khác	1.757.353.852	3.291.418.000	5.048.771.852
Cộng	5.191.607.861	3.291.418.000	8.483.025.861
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	1.332.126.380	-	1.332.126.380
Phải trả người lao động	1.400.036.324	-	1.400.036.324
Chi phí phải trả	1.548.197.597	-	1.548.197.597
Các khoản phải trả khác	680.724.534	3.103.578.000	3.784.302.534
Cộng	4.961.084.835	3.103.578.000	8.064.662.835

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

▪ Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là VND.

▪ Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ
- Kinh doanh cho thuê bất động sản

	Kinh doanh hàng hoá	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh cho thuê bất động sản	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	548.867.212	25.144.524.360	2.207.818.179	27.901.209.751
Giá vốn hàng bán	416.475.188	13.983.422.290	101.703.768	14.501.601.246
Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.310.200	11.161.102.070	2.106.114.411	13.400.526.681
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.868.970	25.565.947.765	986.181.815	26.894.998.550
Giá vốn hàng bán	221.728.837	14.207.885.535	101.703.768	14.531.318.140
Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.140.133	11.358.062.230	884.478.047	12.363.680.410

Khu vực địa lý

Tất các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được tiêu thụ và cung cấp tại Việt Nam.

8.4 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

9 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	54,00	36,10
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	46,00	63,90
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	22,19	19,18
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	77,81	80,82
2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	3,41	3,03
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,39	3,00
- Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,64	2,18
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	48,03	45,97
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	25,78	6,41
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	59,12	62,13
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	15,24	3,98
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	19,25	4,91
4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động			
- Vòng quay tài sản	Vòng	0,59	0,62
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	8,49	8,00
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	86,49	82,34
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,86	2,44

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THANH VÂN



VÕ THÚY HẠNH



LÊ HẢI ĐĂNG